

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/DS-ST

Ngày: 29-4-2024

"V/v Tranh chấp hợp đồng

góp hui"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Nguyên

2. Ông Hà Minh Hằng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp về Hợp đồng dân sự góp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 93/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị U, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: ấp XV, xã NA, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

2. **Bị đơn:** - Ông Trương Văn X, sinh năm 1955;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Trương Văn X: Bà Trần Thị D, sinh năm 1962, đại diện theo giấy ủy quyền ngày 14 tháng 3 năm 2024 (có mặt);

- Bà Trần Thị D, sinh năm 1962 (có mặt);

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Võ Thị B, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1992 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp 6Đ, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 19/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị U trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị tham gia góp hội ông Trương Văn X và bà Trần Thị D tổ chức các dây hội như sau: Dây thứ nhất: Hội mở ngày 27 tháng 5 năm 2019 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng, hàng tháng mở ngày 27, gồm 48 phần, chị tham gia 03 phần, góp hội sống đến khi mãn hội ngày 27 tháng 03 năm 2023 âm lịch, theo hội được lĩnh là 135.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 1.800.000 đồng (600.000 đồng/ phần), ông Trương Văn X và bà Trần Thị D phải trả cho chị 133.200.000 đồng nhưng ông Trương Văn X và bà Trần Thị D chỉ trả được 48.000.000 đồng, ông Trương Văn X và bà Trần Thị D còn phải trả cho chị 85.200.000 đồng; Dây thứ hai: Hội mở ngày 09 tháng 4 năm 2021 âm lịch, loại hội 2.000.000 đồng, hàng tháng mở ngày 09, gồm 44 phần, chị tham gia 02 phần, góp hội sống được 24 lần thì ông Trương Văn X và bà Trần Thị D tuyên bố bế hội, theo hội được lĩnh là 96.000.000 đồng (mỗi phần 48.000.000 đồng x 2 phần), trừ tiền hoa hồng 2.400.000 đồng (1.200.000 đồng/ phần), ông Trương Văn X và bà Trần Thị D còn phải trả cho chị 93.600.000 đồng; Dây thứ ba: Hội mở ngày 29 tháng 11 năm 2021 âm lịch, loại hội 3.000.000 đồng, hàng tháng mở ngày 29, gồm 29 phần, chị tham gia 01 phần, góp hội sống được 16 lần thì ông Trương Văn X và bà Trần Thị D tuyên bố bế hội, theo hội được lĩnh là 48.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 1.500.000 đồng, ông Trương Văn X và bà Trần Thị D còn phải trả cho chị 46.500.000 đồng. Tổng ba dây hội nói trên theo hội sống chị được lĩnh số tiền 225.300.000 đồng, từ khi ông Trương Văn X và bà Trần Thị D tuyên bố bế hội không trả cho chị đồng nào. Nay chị yêu cầu ông Trương Văn X và bà Trần Thị D trả cho chị tổng ba dây hội nói trên theo hội sống chị được lĩnh số tiền 225.300.000 đồng, không yêu cầu trả lãi chậm trả, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 13/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị D, đồng thời là người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Trương Văn X trình bày:*

Bà xác định, bà và ông Trương Văn X không tham gia góp hội, mà chị Võ Thị B con dâu của bà và ông Trương Văn X có mở các dây hội sau: Dây hội mở ngày 27 tháng 5 năm 2019 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng, hàng tháng mở ngày 27, gồm 48 phần, chị Trần Thị U tham gia 03 phần, góp hội sống đến khi mãn hội

ngày 27 tháng 03 năm 2023 âm lịch, theo hội được lĩnh là 135.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 1.800.000 đồng (600.000 đồng/ phần), phải trả cho chị Trần Thị U 133.200.000 đồng nhưng bà và ông Trương Văn X chỉ trả được 48.000.000 đồng, còn nợ chị Trần Thị U 85.200.000 đồng; Dây hội mở ngày 09 tháng 4 năm 2021 âm lịch, loại hội 2.000.000 đồng, hàng tháng mở ngày 09, gồm 44 phần, chị Trần Thị U tham gia 02 phần, góp hội sống được 24 lần thì bể hội, theo hội được lĩnh là 96.000.000 đồng (mỗi phần 48.000.000 đồng x 2 phần), trừ tiền hoa hồng 2.400.000 đồng (1.200.000 đồng/ phần), còn nợ chị Trần Thị U 93.600.000 đồng; Dây hội mở ngày 29 tháng 11 năm 2021 âm lịch, loại hội 3.000.000 đồng, hàng tháng mở ngày 29, gồm 29 phần, chị Trần Thị U tham gia 01 phần, góp hội sống được 16 lần thì bể hội, theo hội được lĩnh là 48.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 1.500.000 đồng, còn nợ chị Trần Thị U 46.500.000 đồng. Tổng ba dây hội nói trên theo hội sống bà Trần Thị U được lĩnh số tiền 225.300.000 đồng, khi bể hội bà và ông Trương Văn X có thỏa thuận với chị Trần Thị U trả số tiền là 200.000.000 đồng, bà Trần Thị U cũng đồng ý và thỏa thuận chị Trần Thị U làm chủ hội và bà làm hội viên, khi nào lĩnh hội bà và ông Trương Văn X trả cho chị Trần Thị U, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, anh Trương Sa R trình bày như sau:*

Anh là chồng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị B, kêu nguyên đơn chị Trần Thị U là vợ, bị đơn ông Trương Văn X, bà Trần Thị D cha mẹ ruột sống cùng hộ. Anh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị B kết hôn, chung sống với nhau từ năm 2009 đến tháng 9 năm 2023 ly hôn. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị B tổ chức chơi hội từ năm 2010 đến tháng 02 năm 2023 âm lịch, khi đó ghi tên trong danh sách tham gia góp hội chủ hội là ông Trương Văn X và bà Trần Thị D, đến tháng 02 năm 2023 âm lịch tuyên bố bể hội, trong đó có chị Trần Thị U tham gia góp, sau khi bể hội thì chị Võ Thị B có nói với ông Trương Văn X và bà Trần Thị D đứng ra trả nợ thay, khi tranh chấp chị Trần Thị U yêu cầu áp 6Đ, xã N giải quyết ông Trương Văn X và bà Trần Thị D trả số tiền 272.400.000 đồng, ông Trương Văn X và bà Trần Thị D xác định chỉ biết chị Võ Thị B nợ chị Trần Thị U 200.000.000 đồng và ông Trương Văn X và bà Trần Thị D hẹn trả cho chị Trần Thị U mỗi tháng hơn 3.000.000 đồng và trả được 48.000.000 đồng và góp giùm 02 phần hội, loại hội 2.000.000 đồng, thời gian góp từ tháng 03 năm 2023 âm lịch đến nay tháng

01 năm 2024 âm lịch.

** Tại biên bản xác minh ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang như sau:*

Chị Võ Thị B, sinh năm 1992, có cư trú tại: ấp 6Đ, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang, hiện nay chị Võ Thị B vắng mặt ở nhà và ở địa phương, không biết đang sinh sống ở đâu. Đối với dây hụi mà chị Trần Thị U tham gia với ông Trương Văn X và bà Trần Thị D ai làm chủ hụi thì không xác định rõ, nhưng các dây hụi này bà Trần Thị D và chị Võ Thị B có đi gom hụi, ông Trương Văn X, bà Trần Thị D và chị Võ Thị B phải cùng có trách nhiệm trả số nợ hụi cho chị Trần Thị U theo quy định pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị B:* Sau khi ông Trương Văn X và bà Trần Thị D xác định chị Võ Thị B làm chủ hụi và tổ chức góp hụi, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Võ Thị B biết để chị có ý kiến về việc ông Trương Văn X và bà Trần Thị D xác định chị Võ Thị B làm chủ hụi và tổ chức góp hụi nợ tiền hụi chị Trần Thị U nhưng chị Võ Thị B không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Căn cước công dân tên Trần Thị U (Bản sao); 03 danh sách hụi các ngày 27/5/2019, ngày 09/4/2021 và ngày 29/11/2021 AL chủ hụi: 3 X, chủ hụi: 3 X (Bản phô tô); Tờ giấy nội dung kê tiền hụi (Bản phô tô); Bản cam kết hụi ngày 28/4/2023 (nhằm ngày 09/3 âm lịch) của ông Trương Văn X và bà Trần Thị D (Bản phô tô); Biên bản về việc thỏa thuận dân sự giữa chị Trần Thị U và bà Trần Thị D ngày 21/6/2023 của Công an xã N (Bản sao); Đơn xác nhận ngày 19/10/2023 của chị Trần Thị U (Bản chính); Biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Bản chính); Biên bản lấy lời khai của người làm chứng anh Trương Sa R ngày 29 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Bản chính).

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Trần Thị U xác định ông Trương Văn X và bà Trần Thị D làm chủ hụi, yêu cầu ông Trương Văn X và bà Trần Thị D trả cho chị tổng số tiền hụi còn nợ là 200.000.000 đồng, chị rút lại yêu cầu khởi kiện ông Trương Văn X và bà Trần Thị D trả số tiền hụi chênh lệch là 25.300.000 đồng, chị không yêu cầu chị Võ Thị B trả, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Trần Thị D, đồng thời là người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Trương Văn X xác định, bà và ông Trương Văn X không làm chủ hội, không tổ chức tham gia góp hội mà chị Võ Thị B làm chủ hội, tổ chức tham gia góp hội, lập danh sách những người hội viên tham gia góp, bà và ông Trương Văn X cùng phụ gom hội do chị Võ Thị B hàng ngày mua bán cua, sau khi chị Võ Thị B tuyên bố bế hội thì chị Võ Thị B bỏ đi làm thuê, kêu bà và ông Trương Văn X ở nhà thỏa thuận trả nợ, chị Võ Thị B làm có tiền trả lại. Nay bà và ông Trương Văn X đồng ý trả cho chị Trần Thị U tổng ba dây hội nói trên theo thỏa thuận là 200.000.000 đồng, bà trả được 48.000.000 đồng, còn nợ lại chị Trần Thị U là 152.000.000 đồng, bà hẹn khi nào lĩnh hội bà trả, ngoài ra bà không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị B vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện các thủ tục tố tụng dân sự đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị B vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét khởi kiện và tại phiên tòa chị Trần Thị U yêu cầu ông Trương Văn X và bà Trần Thị D trả cho chị số tiền hội được lĩnh 200.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận phù hợp quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị U rút lại yêu cầu khởi kiện ông Trương Văn X và bà Trần Thị D trả số tiền hội chênh lệch là 25.300.000 đồng đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phần rút yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trần Thị U khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trương Văn X và bà Trần Thị D trả tiền hội còn nợ. Bị đơn điều cư trú tại: ấp 6Đ, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang cho nên xác định đây là

tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi ông Trương Văn X và bà Trần Thị D xác định chị Võ Thị B làm chủ hộ và tổ chức góp hộ, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Võ Thị B biết để chị có ý kiến về việc ông Trương Văn X và bà Trần Thị D xác định chị Võ Thị B làm chủ hộ và tổ chức góp hộ nợ tiền hộ chị Trần Thị U nhưng chị Võ Thị B không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Võ Thị B vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung, tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho chị Võ Thị B nhưng chị Võ Thị B vẫn cố tình vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Đồng thời tại phiên tòa lần thứ hai, nguyên đơn chị Trần Thị U và bị đơn bà Trần Thị D, đồng thời bà Trần Thị D là người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Trương Văn X không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị B theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét về hợp đồng góp hộ giữa chị Trần Thị U và ông Trương Văn X, bà Trần Thị D xác lập các ngày 27/5/2019, ngày 09/4/2021 và ngày 29/11/2021 âm lịch bằng lời nói, hộ có lãi và có hoa hồng, không thỏa thuận bằng văn bản, không công chứng, chứng thực danh sách hộ, không ghi đầy đủ họ và tên, sổ giấy chứng minh nhân dân hoặc sổ căn cước công dân; ngày tháng năm sinh, nơi cư trú của chủ hộ, mức hưởng hoa hồng của chủ hộ trong hộ hưởng hoa hồng, lãi suất trong hộ có lãi; quyền và nghĩa vụ của chủ hộ là thực hiện chưa đúng hình thức và nội dung theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, hộ, biểu, phường, nay xảy ra tranh chấp, yêu cầu giải quyết, được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 25 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về hộ, hộ, biểu, phường.

Xét khởi kiện của chị Trần Thị U yêu cầu ông Trương Văn X và bà Trần Thị D trả số tiền hộ theo được lĩnh là 200.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, ý kiến trình bày và yêu cầu của chị Trần Thị U, ông Trương Văn X, bà Trần

Thị D và người làm chứng anh Trương Sa R đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Các dây hui áp ngày 09 tháng 4 năm 2021 và ngày 29 tháng 11 năm 2021 âm lịch ghi chủ hui 3 X và số điện thoại 0339743408, Bản cam kết hui ngày 28/4 (nhằm ngày 09/3 âm lịch) năm 2023, Biên bản hòa giải ngày 21/6/2023 của Công an xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang và Biên bản xác minh ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang là phù hợp với nhau, đều xác định chủ hui là ông Trương Văn X (3 X) và bà Trần Thị D, sau khi bề các dây hui nói trên, ông Trương Văn X và bà Trần Thị D đều thừa nhận, tự đối chiếu xác nhận còn nợ số tiền hui chị Trần Thị U là 225.300.000 đồng nhưng không trả, chị Trần Thị U yêu cầu Công an xã N giải quyết, tại Biên bản hòa giải ngày 21/6/2023 của Công an xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang cũng thừa nhận nợ tiền hui của chị Trần Thị U là 272.400.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 91 và điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, chị Trần Thị U yêu cầu ông Trương Văn X và bà Trần Thị D trả số tiền hui theo được lĩnh là 200.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Xét ý kiến trình bày của bị đơn ông Trương Văn X và bà Trần Thị D, ông bà xác định ông bà không làm chủ hui, không tổ chức tham gia góp hui mà chị Võ Thị B làm chủ hui, tổ chức tham gia góp hui, lập danh sách những người hui viên tham gia góp, ông Trương Văn X và bà cùng phụ gom hui, vì chị Võ Thị B hàng ngày mua bán cua, sau khi chị Võ Thị B tuyên bố bề hui thì chị Võ Thị B bỏ đi làm thuê, kêu ông Trương Văn X và bà ở nhà thỏa thuận trả nợ, chị Võ Thị B làm có tiền trả lại nhưng nay ông bà không có khả năng trả, để cho chị Võ Thị B tự trả. Hội đồng xét xử thấy rằng, ý kiến trình bày ông Trương Văn X, bà Trần Thị D và anh Trương Sa R không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh được chị Võ Thị B làm chủ hui và chị Võ Thị B cũng không thừa nhận làm chủ, tổ chức góp các ngày 27/5/2019, ngày 09/4/2021 và ngày 29/11/2021 âm lịch. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị D thừa nhận và đồng ý trả số tiền hui còn nợ chị Trần Thị U khi lĩnh được hui. Ngoài ra, tại Bản cam kết hui ngày 28/4 (nhằm ngày 09/3 âm lịch) năm 2023 và Biên bản hòa giải ngày 21/6/2023 của Công an xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang thì ông Trương Văn X và bà Trần Thị D đều thừa nhận làm chủ hui và còn nợ chị Trần Thị U 272.400.000 đồng, nay ông Trương Văn X và bà Trần Thị D không thừa nhận làm chủ hui, tại phiên tòa xác định còn nợ chị Trần Thị U số tiền hui 152.000.000 đồng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh là đã trả tiền cho chị Trần Thị U. Do đó, không có cơ sở chấp nhận ý kiến trình bày của ông Trương Văn X, bà Trần Thị

D. Trường hợp sau này ông Trương Văn X và bà Trần Thị D có tài liệu, chứng cứ chứng minh được chị Võ Thị B làm chủ hội, tổ chức góp hội các ngày 27/5/2019, ngày 09/4/2021 và ngày 29/11/2021 âm lịch thì ông Trương Văn X và bà Trần Thị D có quyền khởi kiện chị Võ Thị B trả lại khoản tiền mà ông Trương Văn X và bà Trần Thị D thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay chị Võ Thị B và được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác theo quy định tại khoản 3 Điều 288 của Bộ luật dân sự.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu của chị Trần Thị U, buộc ông Trương Văn X và bà Trần Thị D phải có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị U số tiền hội được lĩnh là 200.000.000 đồng theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự, khoản 3, khoản 4 Điều 18 và khoản 1 Điều 23 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hội, biểu, phường.

Tại phiên tòa chị Trần Thị U tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện ông Trương Văn X và bà Trần Thị D trả số tiền hội chênh lệch là 25.300.000 đồng nên đình chỉ xét xử phần rút yêu cầu theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nhưng bị đơn là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227, điểm a khoản 1 Điều 238, Điều 241, khoản 2 Điều 244, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 7, Điều 8, điểm c khoản 1 Điều 11, khoản 3, khoản 4, khoản 8 Điều 18, khoản 1 Điều 23 và khoản 1 Điều 25 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, họ, biêu, phường;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Trương Văn X và bà Trần Thị D phải trả cho chị Trần Thị U số tiền hụi còn nợ là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Tại phiên tòa chị Trần Thị U tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện ông Trương Văn X và bà Trần Thị D trả số tiền hụi chênh lệch là 25.300.000 đồng nên đình chỉ xét xử phần rút yêu cầu.

3. Về án phí: Bị đơn ông Trương Văn X và bà Trần Thị D là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trương Văn X và bà Trần Thị D.

Chị Trần Thị U không phải chị án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị Trần Thị U tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.975.000 đồng theo biên lai thu số 0008999 ngày 06/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 29/4/2024. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đài hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- CC THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA (Kieu).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thảo